

Bản án số: 331/2024/HS-ST
Ngày 11-7-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thanh

2. Ông Trần Ngọc Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Lệ Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 408/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3125/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Trương Phước H; Giới tính: nam; Sinh ngày 26/10/1997 tại: tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: 46A đường C, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Dân tộc: Kinh, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trương Phước N và bà Trần Phương Uyên Th; Bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Mỹ L; Tiền án: Không, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam từ ngày 24/12/2023 đến ngày 29/12/2023; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Đào Thị Phương V, sinh năm: 1988

Địa chỉ: số 249 đường Q, phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Lê Khắc H, Công ty Luật TNHH S thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, bà Đào Thị Phương V là nhân viên tín dụng làm việc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long (Phòng giao dịch Tân Bình, địa chỉ số 603 đường V, Phường D, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh) quen biết với Trương Phước H và biết H có tiền cho vay lấy lãi. Cùng thời gian này, nhiều khách hàng có nhu cầu vay tiền để đáo hạn Ngân hàng nên bà V đã đứng ra vay tiền của H với mức lãi suất thỏa thuận 0,25%/ ngày (tương đương 7,5%/tháng) rồi cho khách hàng vay lại nhằm kiếm hoa hồng 0,1%/tổng số tiền vay. Quá trình làm đáo hạn, do một số khách hàng không được Ngân hàng cho giải ngân lại nên bà V không có tiền trả cho H. Tính đến ngày 16/7/2021, tổng số tiền bà V nợ H là 4.500.000.000 đồng gồm cả tiền gốc và lãi.

Đến khoảng tháng 11/2021, để có vốn đầu tư đất nền ở huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên bà V tiếp tục liên hệ vay tiền của H với mức lãi suất 0,4%/ ngày, (tương đương 12%/tháng, 144%/năm). Sau khi thỏa thuận, H sử dụng tài khoản Ngân hàng Teckcombank số 19034232153019, còn bà V sử dụng tài khoản Ngân hàng Teckcombank số 19033667320018 để giao dịch. Cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Ngày 29/11/2021, H chuyển khoản cho bà V vay 700.000.000 đồng, với mức lãi suất 0,4%/ngày, tương đương với số tiền 2.800.000 đồng/ngày. Đến ngày 08/12/2021, bà V chuyển khoản trả lại cho bị can H số tiền 725.200.000 đồng, trong đó tiền gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi 09 ngày là 25.200.000 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 10/12/2021, H chuyển khoản cho bà V vay 1.000.000.000 đồng với lãi suất 0,4%/ngày, tương đương số tiền 4.000.000 đồng/ngày. Đến ngày 20/12/2021, do chưa có tiền trả tiền gốc nên bà V chỉ trả tiền lãi cho 10 ngày là 40.000.000 đồng. Đến ngày 24/12/2021, V chuyển khoản thanh toán đủ tiền gốc và lãi là 1.016.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 04 ngày là 16.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 28/12/2021, H chuyển khoản cho bà V vay 900.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/ngày, tương đương số tiền 3.600.000 đồng/ngày. Đến ngày 07/01/2022, bà V thanh toán tiền gốc và lãi là 936.000.000 đồng, trong đó 900.000.000 đồng là tiền gốc và tiền lãi 10 ngày là 36.000.000 đồng.

Lần thứ 4: Ngày 11/01/2022, H cho bà V vay 900.000.000 đồng (trong đó chuyển khoản 810.000.000 đồng), lãi suất 0,4%/ngày, tương đương 3.600.000 đồng/ngày. Đến ngày 18/02/2022, bà V chuyển khoản trả cho H số tiền 1.044.000.000 đồng, trong đó 900.000.000 đồng là tiền gốc và tiền lãi 40 ngày là 144.000.000 đồng.

Lần thứ 5: Ngày 21/02/2022, H chuyển khoản cho bà V vay 1.000.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/ngày, tương đương 4.000.000 đồng/ngày. Đến ngày 19/05/2022, bà V chuyển khoản thanh toán tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, đồng thời xin H cho nợ lại tiền lãi 87 ngày, tương đương với 348.000.000 đồng. H đồng ý.

Lần thứ 6: Ngày 09/06/2022, bà V tiếp tục vay của H số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 0,4%/ngày, tương đương 4.000.000 đồng/ngày. Tuy nhiên, do khoản

vay lần thứ 5 bà V vẫn còn nợ H số tiền lãi là 348.000.000 đồng nên H yêu cầu bà V phải cân trừ 300.000.000 đồng tiền nợ cũ qua khoản vay mới (còn số tiền 48.000.000 đồng H cho V nợ lại). Bà V đồng ý, nên H đã chuyển khoản cho bà V số tiền 700.000.000 đồng. Đến ngày 01/8/2022, H và V chốt lại nợ gốc và lãi của khoản vay này là 1.208.000.000 đồng, trong đó 1.000.000.000 đồng là tiền gốc, còn 208.000.000 đồng là tiền lãi tương đương với 52 ngày. Khoản vay này V chưa trả cho H cả tiền gốc và lãi.

Tại thời điểm này, H đã yêu cầu bà V phải thế chấp tài sản có giá trị để đảm bảo cho khoản vay nên bà V và ông Nguyễn Đức Th (chồng bà V) đã bàn bạc thống nhất bán căn nhà ở số 578/26 Đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (căn nhà này đã thế chấp ngân hàng 7.000.000.000 đồng) cho H với giá 11.000.000.000 đồng để trả bớt nợ. Sau khi thỏa thuận xong, H đặt cọc 500.000.000 đồng để mua căn nhà trên nhưng do pháp lý căn nhà chưa hoàn thiện (chưa hoàn công) nên H và bà V không đạt được thỏa thuận ủy quyền sang tên căn nhà trên.

Đến khoảng giữa tháng 8/2022, H và bà V thống nhất số tiền bà V còn nợ H là 6.000.000.000 đồng, trong đó nợ cũ là 4.500.000.000 đồng; tiền đặt cọc căn nhà số 578/26 Đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là 500.000.000 đồng; còn 1.000.000.000 đồng tiền gốc của khoản vay ngày 09/6/2022 (H đã chủ động bỏ số tiền lãi 208.000.000 đồng và 48.000.000 đồng trong khoản vay thứ lần thứ 5 và lần thứ 6). Sau đó, bà V không có khả năng trả tiền theo thỏa thuận nên H đã đến gặp cha mẹ của bà V tại huyện K, tỉnh E để yêu cầu gia đình trả nợ cho bà V nhưng gia đình của bà V không có khả năng trả nợ.

Đến ngày 21/12/2023, bà Đào Thị Phương V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tố cáo H có hành vi cho vay lãi nặng. Tại Cơ quan điều tra, H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Lời khai của bị cáo H phù hợp với lời khai của bà V cùng tài liệu chứng cứ thu thập được và phù hợp với tài liệu sao kê chuyển khoản từ Ngân hàng của bị cáo H và bà V.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 ProMax, IMEI1: 358612418119749, IMEI2: 358612417610573 (thu giữ của bị cáo H).

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 ProMax, IMEI1: 359265388709061, IMEI2: 359265388972214 (thu giữ của bị cáo H).

Tại kết luận giám định số 2905/KL-KTHS ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận đã trích xuất được một số dữ liệu, tin nhắn từ 02 điện thoại di động của H.

- Số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Đây là số tiền ông Trương Phước N (cha ruột bị can H) tự nguyện giao nộp để khắc phục số tiền đã thu lợi bất chính từ việc cho vay của Trương Phước H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã tạm giữ và nộp tại kho bạc Nhà nước quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cáo trạng số 310/CT-VKS-P2 ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Trương Phước H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận: Bị cáo và bà V quen biết nhau từ năm 2018 và chơi thân với nhau, bị cáo cho bà V vay tiền như bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Nguồn tiền bị cáo cho bà V vay là do huy động từ gia đình và những người khác. Nay bị cáo có vợ đang mang thai, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên kính xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được ở ngoài xã hội để giúp đỡ gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi tóm tắt nội dung vụ án và trình bày lời luận tội, đánh giá về tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã khẳng định bản cáo trạng truy tố để xét xử đối với bị cáo Trương Phước H về tội danh, khung hình phạt và điều luật truy tố là có cơ sở pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trương Phước H từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng và số tiền liên quan đến hành vi phạm tội: Đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với nội dung vụ án, tội danh, khung hình phạt và điều luật Viện kiểm sát truy tố để xét xử đối với bị cáo nên không tranh luận. Trong quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã nộp 50.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên ngoài các tình tiết giảm nhẹ như cáo trạng đã nêu; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Người liên quan bà V có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vợ bị cáo đang mang thai, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có nộp giấy chứng minh có tiền gửi để đảm bảo thi hành án. Do vậy, kính mong Hội đồng xét xử xem xét xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Đối với số tiền gia đình bị cáo nộp lại 50.000.000 đồng là khắc phục số tiền thu lợi bất chính của bị cáo, đề nghị xem xét là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không xem xét là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo giữ nguyên quan điểm bào chữa.

Bị cáo Trương Phước H không tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được phạt tiền để ở ngoài xã hội để chăm lo cho bố mẹ già yếu và vợ mang thai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định của họ. Do vậy, các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng nêu trên là hợp pháp.

[2] Đánh giá tính chất nguy hiểm của hành vi của bị cáo và định tội: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi như bản cáo trạng đã tuy tố, bị cáo khai: Do quen biết và thân thiết với bà Đào Thị Phương V, bị cáo đã nhiều lần cho bà V vay tiền. Số tiền bị cáo cho bà V vay là tiền bị cáo đã huy động của những người khác và cho bà V vay lại để hưởng chênh lệch. Trước dịch Covid, bị cáo cho bà V vay với lãi suất 0,25%/ngày. Sau dịch Covid, bị cáo cho bà V vay với lãi suất 0,4%/ngày, việc trả lãi suất 0,4%/ngày là do bà V tự đề xuất. Từ ngày 29/11/2021 đến ngày 09/6/2022; bị cáo đã cho bà V vay 6 lần với số tiền cho vay và hưởng lãi như cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với đơn tố cáo và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đào Thị Phương V. Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn được chứng minh bằng các chứng cứ khác như tin nhắn giữa bị cáo và bà Đào Thị Phương V, các giao dịch trong tài khoản Ngân hàng của bị cáo và bà V. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo đã cho bà V vay 6 lần với tổng số tiền là 5.500.000.000 đồng (trong đó số tiền của bị cáo thực tế cho vay là 5.200.000.000 đồng, số tiền lãi bà V còn nợ lại bị cáo là 300.000.000 đồng được chuyển thành tiền bị cáo cho vay) với lãi suất 0,4%/ngày (tương đương 12%/tháng; 144%/năm), vượt 7,2 lần lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) nhằm thu lợi bất chính số tiền 477.435.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trước khi xét xử, bị cáo và gia đình đã tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, vợ bị cáo đang mang thai, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên coi là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Số tiền bị cáo nhằm thu lợi bất chính là 477.435.000 đồng; tuy nhiên số tiền lãi bị cáo thực nhận là 261.200.000 đồng trong đó số tiền lãi bị cáo được

hưởng theo quy định là 36.277.000 đồng, bị cáo đã thu lợi bất chính là 224.923.000 đồng nên Hội đồng xét xử coi là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế và trật tự an toàn xã hội; Bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì động cơ vụ lợi mong muốn có thu nhập cao mà bị cáo vẫn cố ý vi phạm; tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, lần đầu bị khởi tố hình sự và đưa ra xét xử, tội phạm thực hiện là tội ít nghiêm trọng; bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ đang mang thai; Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 01/2021/HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[5.1.1] Buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền đã thực chuyển cho bà V vay mà bà V đã trả cho bị cáo là 4.500.000.000 đồng để tịch thu sung quỹ nhà nước vì đó là tiền dùng vào việc phạm tội.

[5.1.2] Buộc bị cáo H phải nộp số lãi phát sinh từ tiền cho bà V vay là 36.250.000 đồng (tương ứng với lãi suất 20%/năm bị cáo được hưởng theo quy định của Bộ luật dân sự) vì đây là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có.

Vậy, buộc bị cáo Trương Phước H phải nộp lại số tiền gốc đã cho vay là 4.500.000.000 (Bốn tỷ năm trăm triệu) đồng và số tiền lãi được hưởng theo quy định của Bộ luật dân sự là 36.250.000 (Ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước nhưng được cản trừ vào số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng gia đình bị cáo đã nộp để khắc phục hậu quả. Tổng cộng số tiền bị cáo Trương Phước H còn phải nộp là 4.486.250.000 đồng (Bốn tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

[5.1.3] Buộc bị cáo phải trả lại bà Đào Thị Phương V số tiền 224.923.000 đồng thu lợi bất chính nhưng do bà V còn nợ bị cáo số tiền gốc 700.000.000 đồng nên bà Đào Thị Phương V phải nộp số tiền 475.077.000 đồng là số tiền gốc bà V còn nợ Trương Phước H sau khi đã cản trừ số tiền bị cáo thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà V thể hiện nội dung bà đã chuyển khoản cho vợ của bị cáo H là Huỳnh Thị Mỹ L số tiền 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận, bà V hiện còn đang nợ tiền bị cáo các khoản vay khác nên số tiền 100.000.000 đồng này không phải số tiền cản trừ vào khoản tiền gốc cho vay 700.000.000 đồng.

[5.1.5] Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 ProMax, IMEI1: 358612418119749, IMEI2: 358612417610573 là điện thoại bị

cáo dùng để chuyển tiền cho bà V vay do là phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 ProMax, IMEI1: 359265388709061, IMEI2: 359265388972214 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

[5.1.6] Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 USB chứa dữ liệu được trích từ 02 điện thoại di động của bị cáo.

[6] Đối với bà Đào Thị Phương V có hành vi vay tiền Trương Phước H rồi cho vay lại để hưởng hoa hồng nhưng không có căn cứ để xác định bà V cho người khác vay lãi nặng nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với bà V về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là phù hợp. Về số tiền bà V nợ H, bà V đề nghị có phương án trả nợ và bà V không trốn tránh nên đến thời điểm hiện tại cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với bà V về hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo là phù hợp.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trương Phước H số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone 13 ProMax, IMEI1: 358612418119749, IMEI2: 358612417610573 (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, Imei khay sim: 358612418119749, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong) và số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Trả lại bị cáo Trương Phước H: 01 điện thoại di động Iphone 14 ProMax, IMEI1: 359265388709091, IMEI2: 359265388972214 (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, Imei khay sim: 359265388709091, không kiểm tra đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2024/430 ngày 11/7/2024 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy nộp tiền ngày 05/4/2024 vào tài khoản số 39490905977500000 cơ quan Cảnh sát điều tra công an Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc nhà nước Quận 10).

Buộc bị cáo Trương Phước H nộp lại số tiền là 4.486.250.000 đồng (Bốn tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

Buộc bà Đào Thị Phương V nộp số tiền 475.077.000 (Bốn trăm bảy mươi lăm triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trương Phước H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (4)
- NCQLNVLQ; (1)
- Thi hành án hình sự; (2)
- Phòng PV06 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thương Huyền